TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06/2021/QĐST-HNGĐ	*Chơn Thành, ngày 07 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào vụ án dân sự thụ lý số 382/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa;

+ Nguyên đơn: **Chị Trịnh Thị T**, sinh năm 1992; HKTT: Tổ 2, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay (tạm trú): Tổ 1, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

+ Bị đơn: **Anh Ngô Thanh V**, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận được.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Trịnh Thị T với anh Ngô Thanh V

2. Công nhận thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị T, anh V có 02 con chung tên Ngô Gia B, sinh ngày 30/6/2017 và Ngô Thành N, sinh ngày 06/10/2013. Thỏa thuận giao cả hai con chung là cháu B, cháu N cho anh V được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2.2. Về cấp dưỡng: Bà T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 750.000đồng/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày 15/01/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không giải quyết.

2.5 Về án phí: Các đương sự thỏa thuận nguyên đơn là bà T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai số 0002589 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, bà T không tiếp tục phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Bình phước;*
- *VKS Huyện Chơn Thành;*
- *CCTHADS huyện Chơn Thành;*
- *UBND xã Minh Thắng;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Trương Quốc Khánh